

PHỤ LỤC IV

MẪU THẺ THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ LĨNH VỰC THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN
(Kèm theo Thông tư số 34/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu số 01 (trường hợp Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp thẻ)

- Kích thước: (13 x 19) cm
- Đặc điểm chính: thẻ có hai mặt được ghi bằng tiếng Việt, tiếng Anh.

a. Mặt trước:

Bên trái:

- Tên cơ quan cấp thẻ (chữ đen)
- Ảnh màu (4x6cm) của thẩm định viên có đóng dấu giáp lai của cơ quan cấp thẻ.
- Số Quyết định cấp thẻ
- Số thẻ thẩm định viên

Bên phải:

- Tên tiêu đề của nước Việt Nam (chữ đen)
- THẺ THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ LĨNH VỰC THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN (chữ đỏ)
- Họ và tên (chữ đen)
- Ngày sinh (chữ đen)
- Quê quán (Quốc tịch) (chữ đen)
- Hà Nội, ngày, tháng, năm (chữ đen, nghiêng)
- Chức danh chữ ký, họ tên của người có thẩm quyền và dấu của cơ quan cấp thẻ (chữ đen).

b. Mặt sau:

Bên trái:

- Tên tiêu đề của nước Việt Nam (chữ vàng)
- Quốc huy nổi (màu vàng)
- THẺ THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ (chữ vàng).

Bên phải: QUẢN LÝ THẺ THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ LĨNH VỰC THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

c. Màu sắc:

- Mặt trước thẻ nền màu hồng, có Quốc huy, chữ chìm TĐGVN
- Mặt sau thẻ màu nâu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (QUỐC HUY) THẺ THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ LĨNH VỰC THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN	QUẢN LÝ THẺ THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ LĨNH VỰC THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN 1. Thẻ thẩm định viên về giá có giá trị để đăng ký hành nghề thẩm định giá kể từ ngày cấp, trừ trường hợp bị thu hồi thẻ theo quy định của pháp luật. 2. Thẻ thẩm định viên về giá lĩnh vực thẩm định giá tài sản có giá trị để đăng ký hành nghề thẩm định giá các loại tài sản thẩm định giá trừ doanh nghiệp, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. 3. Người sử dụng thẻ thẩm định viên về giá phải chấp hành các quy định sau: a) Không được sửa chữa, tẩy xóa lên bề mặt hoặc nội dung của thẻ. b) Không được cho thuê, cho mượn hoặc cho các tổ chức, cá nhân khác sử dụng tên và Thẻ
--	--

